

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Ngày 30/09/2025	24,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.9%	1.6%	-

DT thuần Q3/25
3,091
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 117 3.9%
YoY: ▲ 185 6.4%

LN thuần Q3/25
92.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.3 16.7%
YoY: ▼26.2 -22.1%

LN sau thuế Q3/25
74.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.90 15.4%
YoY: ▼23.4 -24.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.0%
YoY: +/-▲ 0.3%

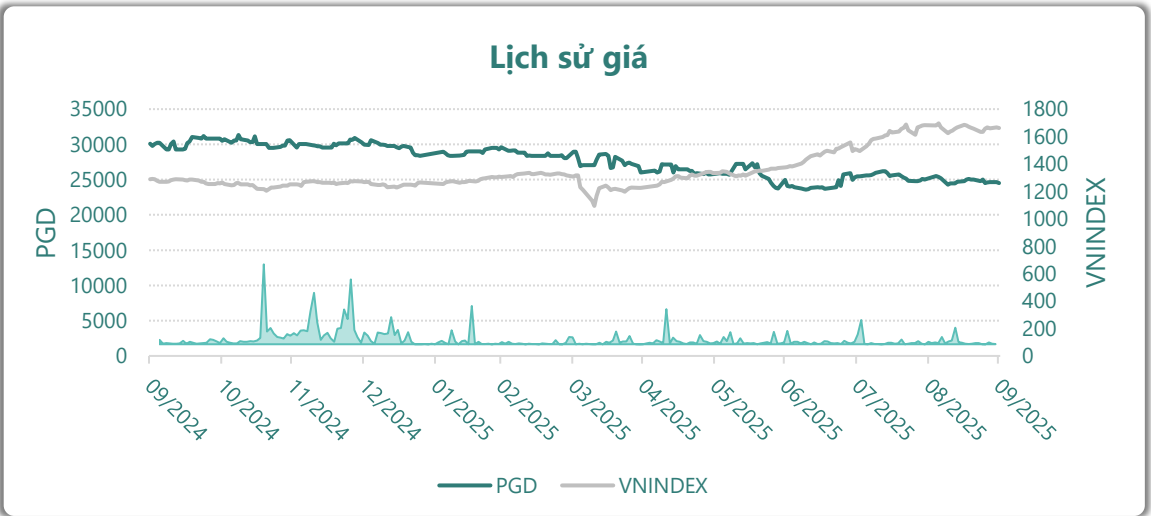
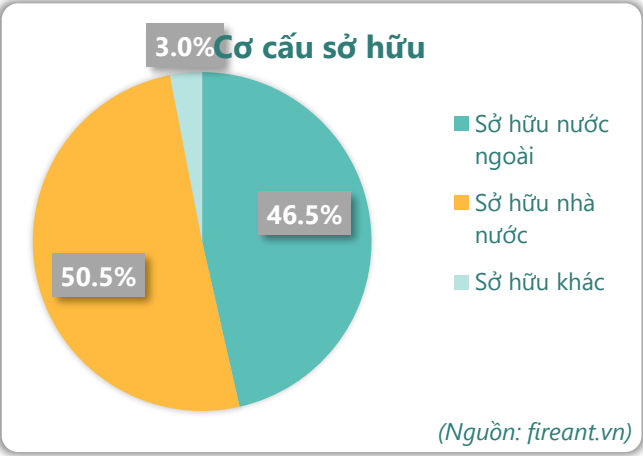
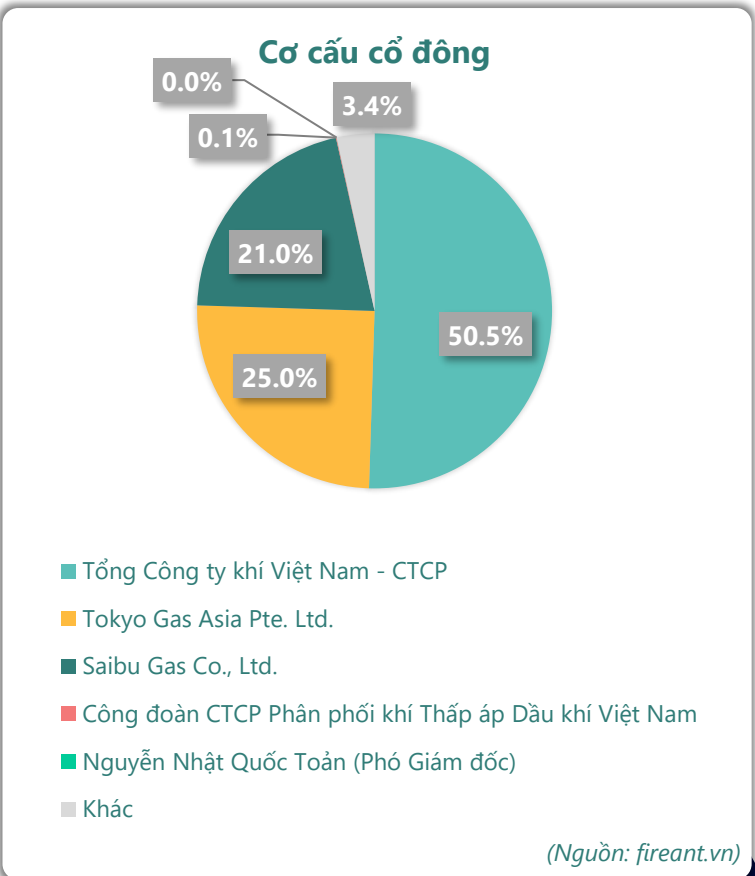
ROE (TTM) Q3/25
8.5%
YoY: +/-▼ 2.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	23,584 - 31,335
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,425
Số lượng CPLH (CP)	98,997,311
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,380
Sở hữu nước ngoài	46.5%
Beta	0.38
EPS	1,377
P/E	17.8

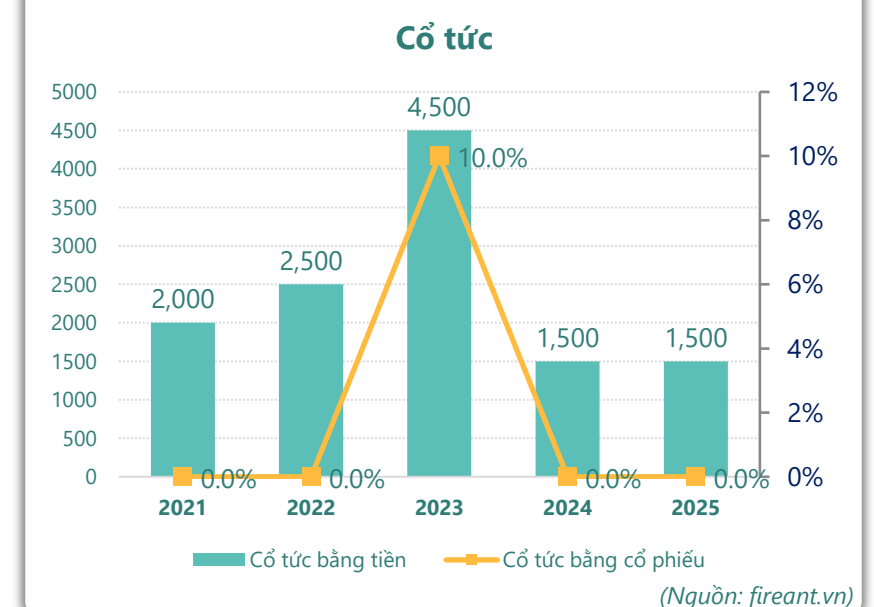
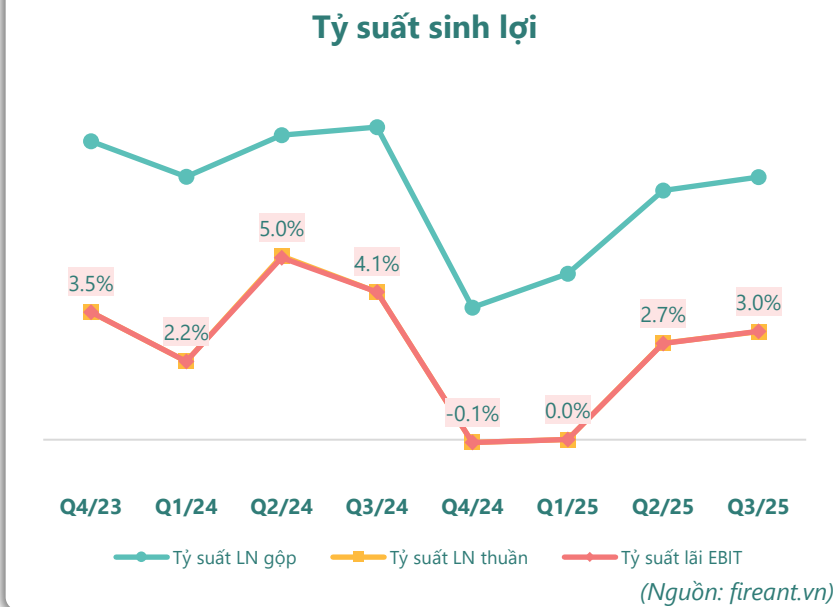
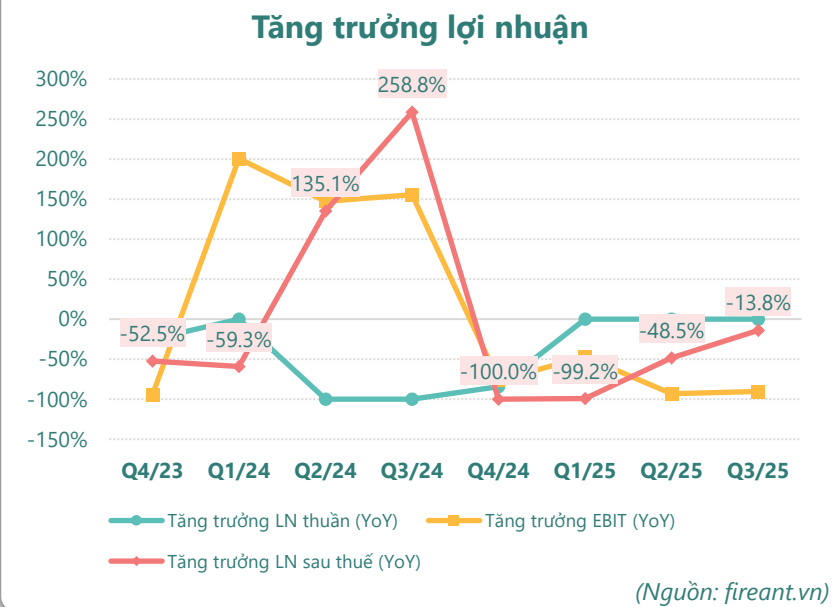
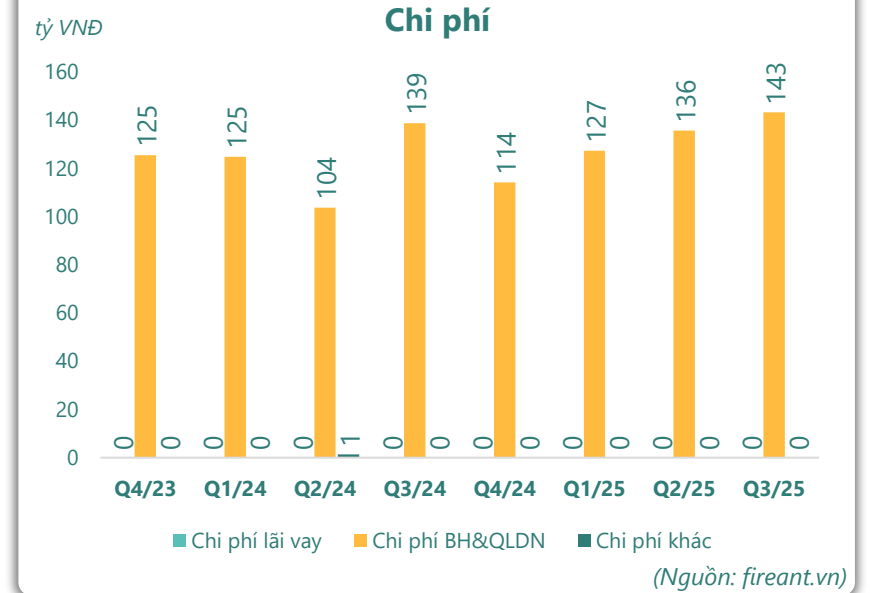
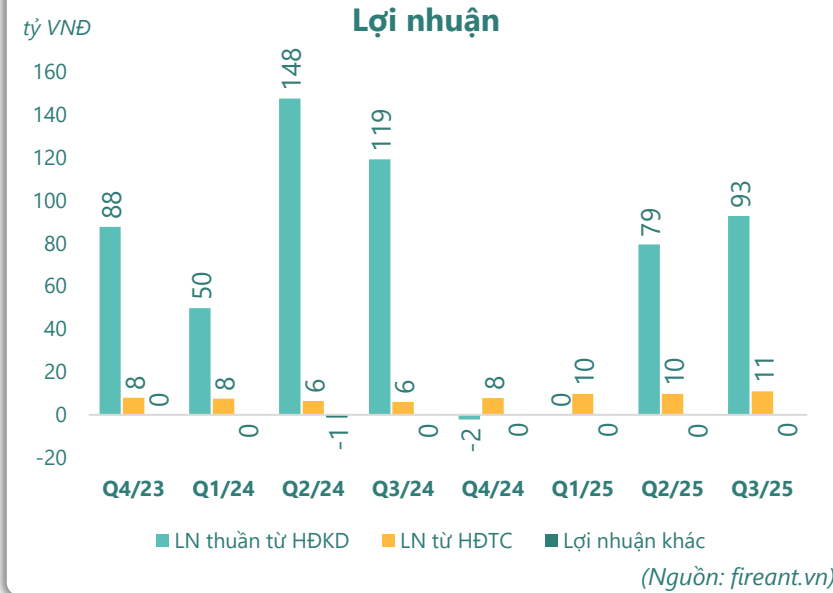
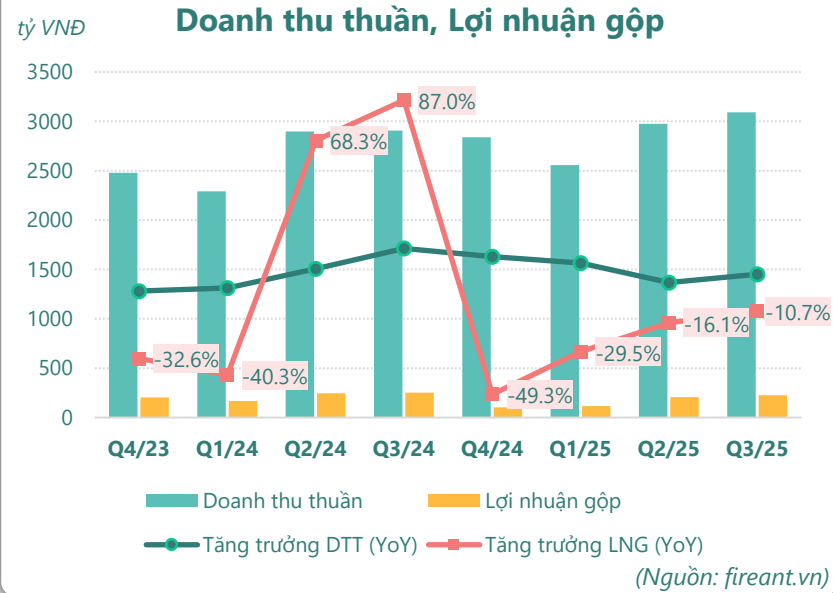
DT thuần 9T 2025
8,624
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 526 6.5%

LN thuần 9T 2025
172
tỷ VNĐ
YoY: ▼145 -45.5%

LN sau thuế 9T 2025
139
tỷ VNĐ
YoY: ▼112 -44.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH



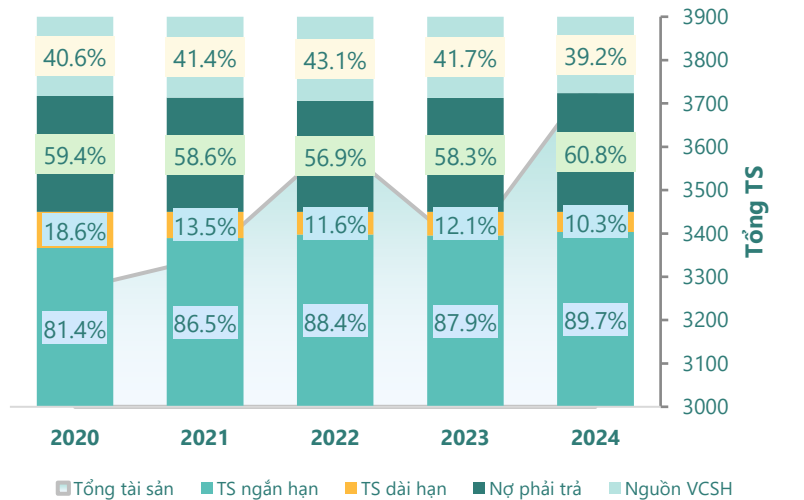


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

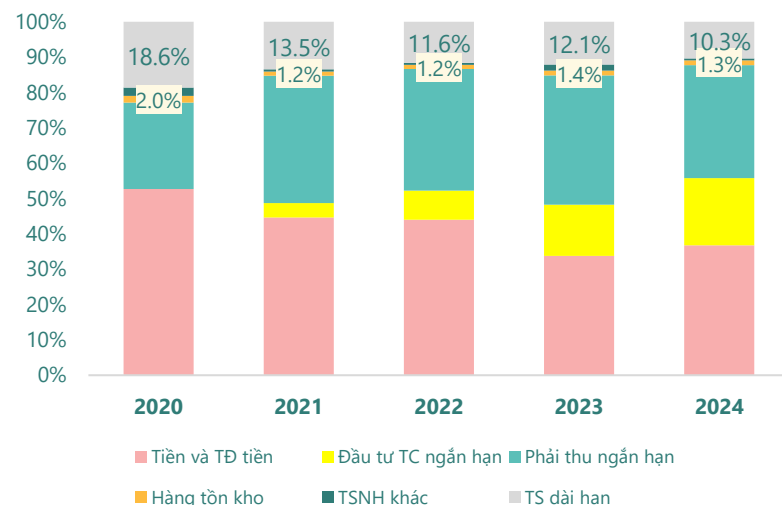
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

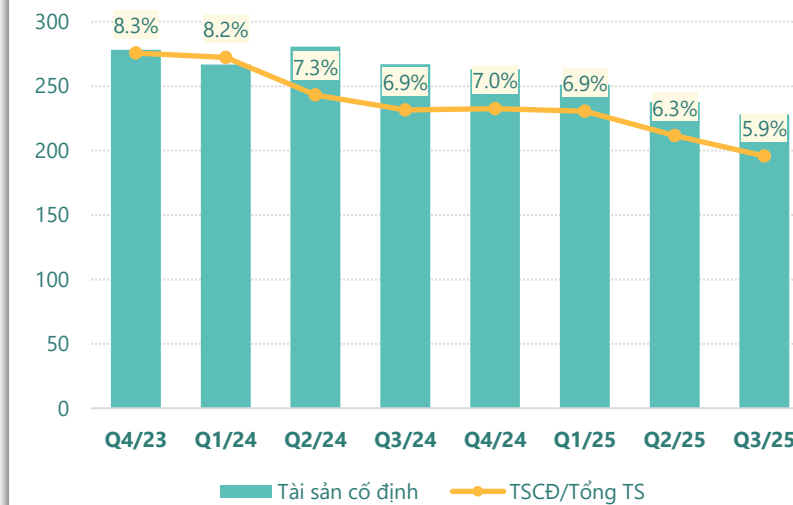
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

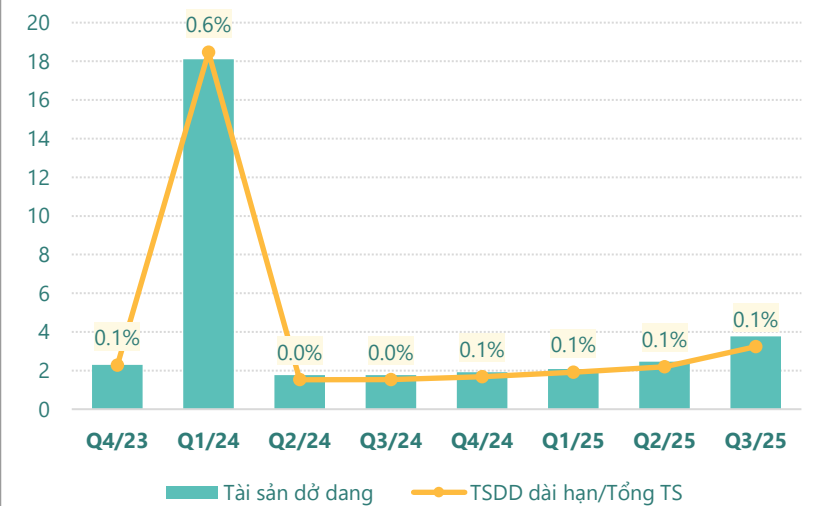
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

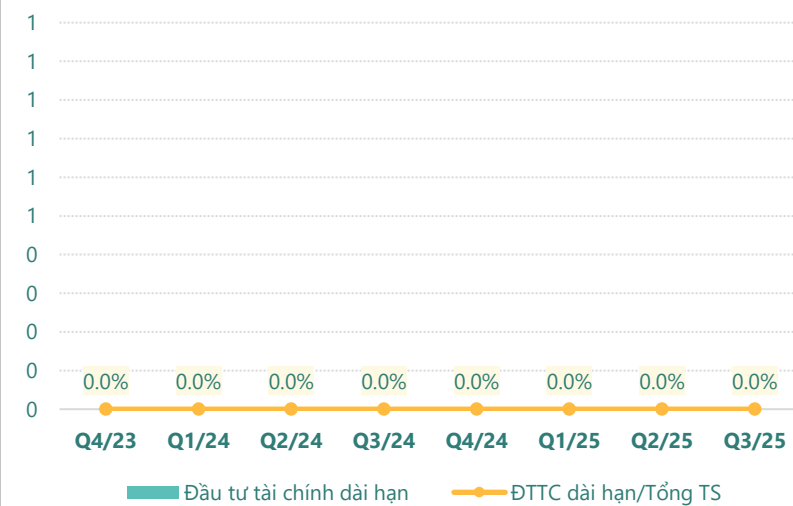
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

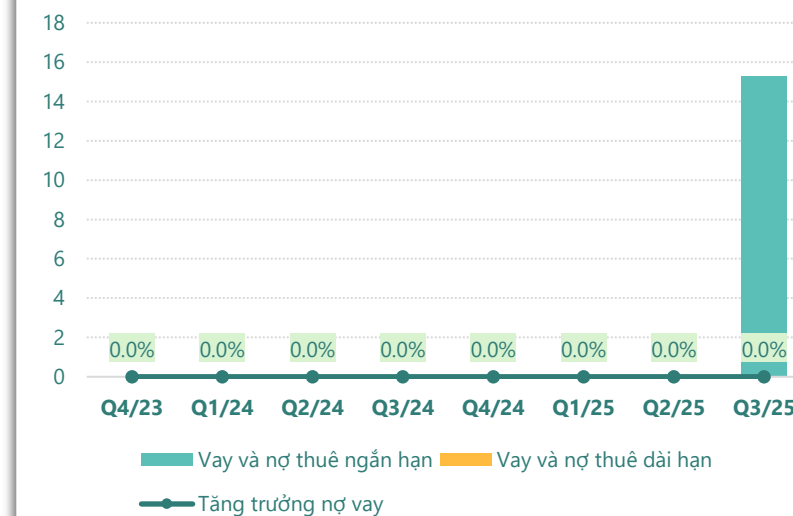
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

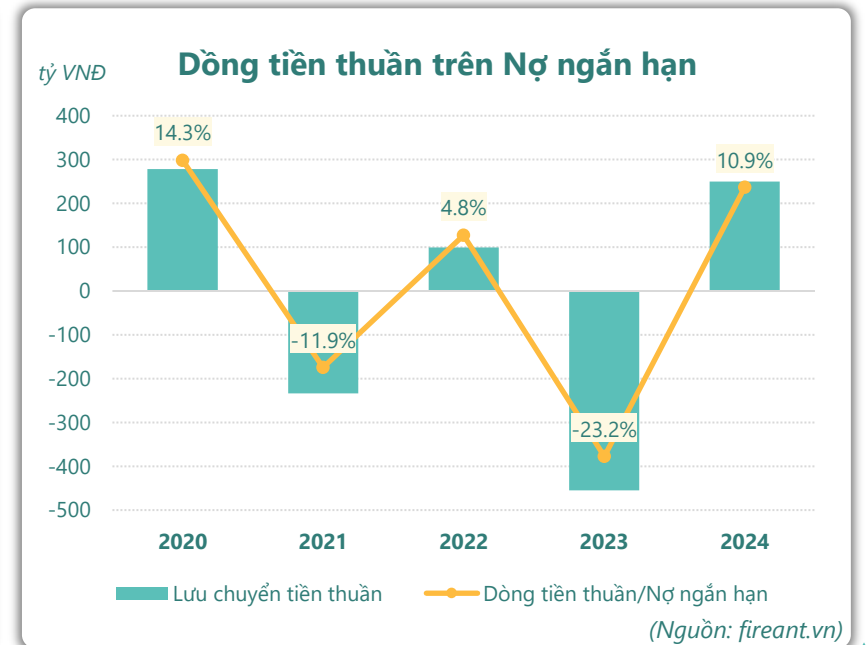
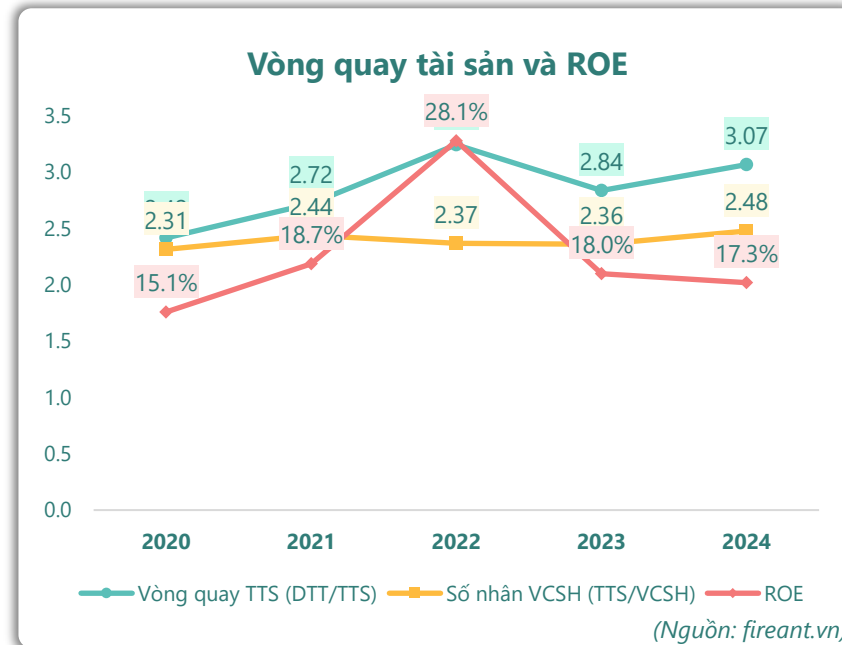
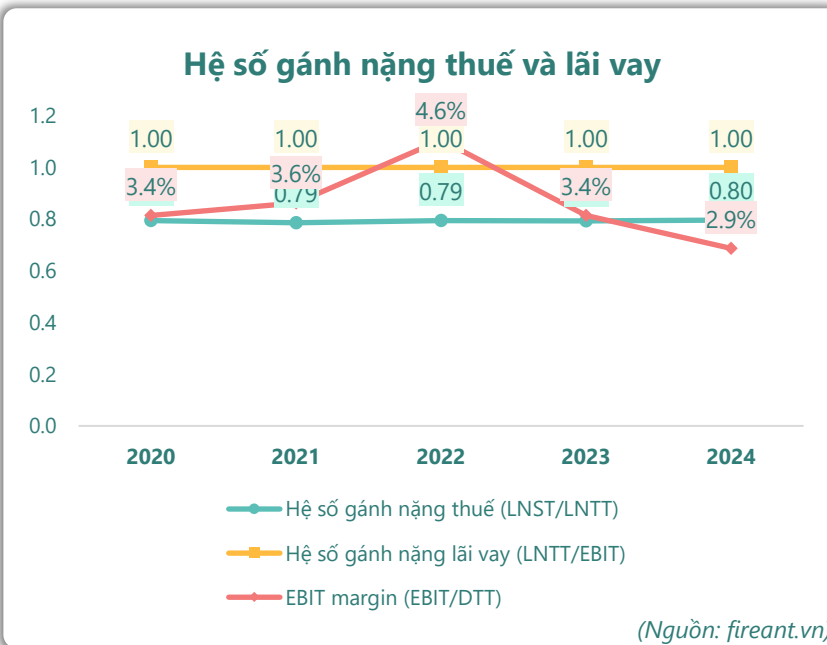
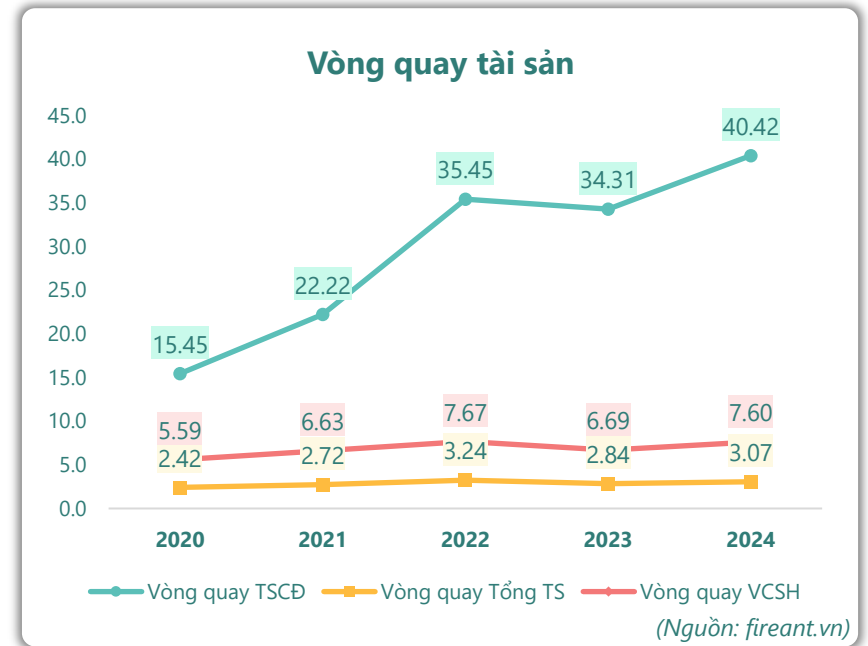
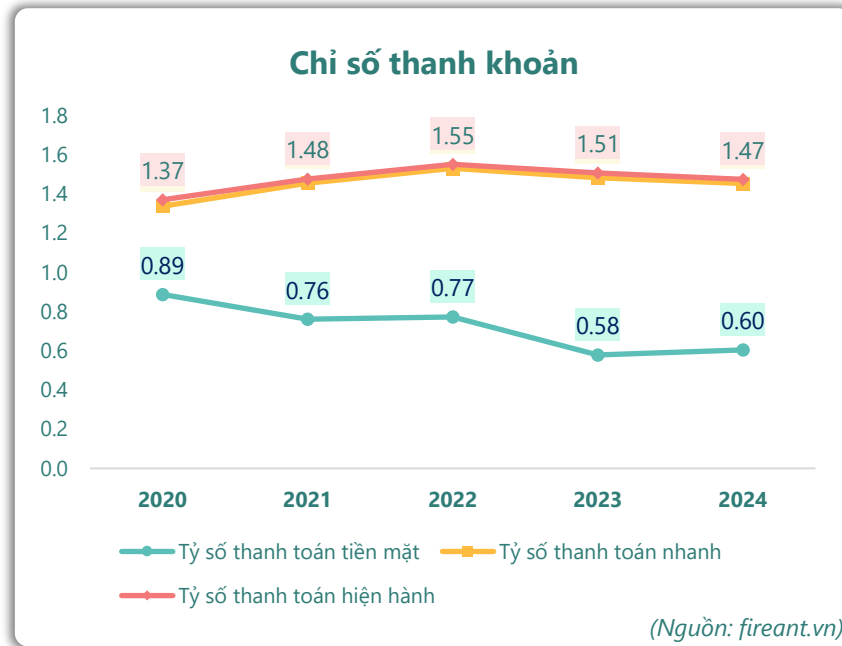
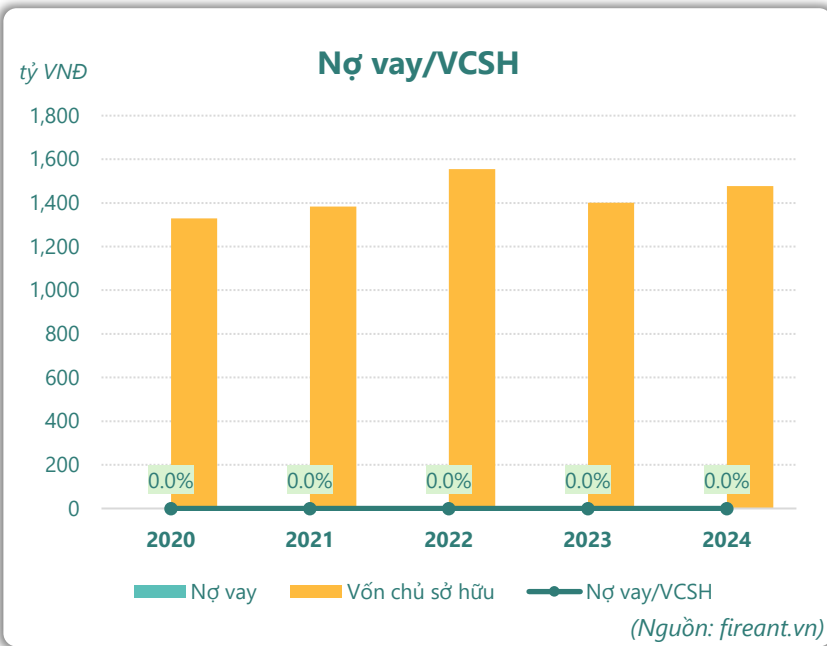
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,091	2,906	6.4%	8,624	8,098	6.5%
Giá vốn hàng bán	2,866	2,654	8.0%	8,076	7,434	8.6%
Lợi nhuận gộp	225	252	-10.7%	548	664	-17.4%
Doanh thu HĐTC	11.0	6.80	62.4%	31.7	22.5	40.9%
Chi phí TC	0.08	0.83	-90.5%	1.31	2.50	-47.7%
Chi phí lãi vay	0.08	0.00		0.08	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	124	120	3.7%	337	298	13.0%
Chi phí QLDN	18.8	18.7	0.6%	69.7	69.6	0.1%
LN thuần từ HĐKD	92.8	119	-22.1%	172	317	-45.5%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.06	91.1%	-0.12	-1.48	91.6%
LN trước thuế	92.8	119	-22.1%	172	315	-45.3%
Lợi nhuận sau thuế	74.2	97.6	-24.0%	139	251	-44.9%
LNST của CĐ cty mẹ	74.2	97.6	-24.0%	139	251	-44.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	509	23.1	176	-259	164	134
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	97.1	-77.2	-237	4.25	14.6	2.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-148	0	0	15.3
Tiền đầu kỳ	1,042	1,648	1,594	1,385	1,131	1,310
Lưu chuyển tiền thuần	606	-54.2	-209	-254	179	152
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,648	1,594	1,385	1,131	1,310	1,461

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,884	3,768	3.1%
Tài sản ngắn hạn	3,535	3,378	4.6%
Tiền và tương đương tiền	1,461	1,385	5.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	718	718	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,280	1,204	6.3%
Hàng tồn kho	50.8	48.6	4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	25.0	22.8	9.7%
Tài sản dài hạn	349	390	-10.5%
Phải thu dài hạn	5.31	3.45	54.2%
Tài sản cố định	228	263	-13.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.77	1.91	97.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	112	122	-8.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,287	2,291	-0.2%
Nợ ngắn hạn	2,287	2,291	-0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,090	2,012	-45.9%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,597	1,478	8.1%
Vốn chủ sở hữu	1,597	1,478	8.1%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

